

Số: 172 /BC-CTK

Vĩnh Phúc, ngày 25 tháng 3 năm 2023

BÁO CÁO
Tình hình kinh tế - xã hội tháng 3
và quý I năm 2023 - tỉnh Vĩnh Phúc

Quý I năm 2023, kinh tế thế giới tiếp tục đối mặt với nhiều khó khăn và thách thức. Tại thời điểm tháng 3/2023, các tổ chức quốc tế có sự điều chỉnh dự báo khác nhau về tăng trưởng kinh tế thế giới năm 2023 so với dự báo trước, nhưng đều có chung nhận định về tốc độ tăng trưởng năm 2023 thấp hơn so với năm 2022¹. Ba nền kinh tế lớn nhất cũng là các đối tác thương mại chính của Việt Nam là Mỹ, Liên minh châu Âu và Trung Quốc cũng sẽ tiếp tục tăng trưởng chậm lại. Dự báo nền kinh tế Việt Nam trong nửa đầu năm 2023 gặp nhiều khó khăn, tốc độ tăng xuất khẩu các mặt hàng chế biến chế tạo sẽ chậm lại do nhu cầu tại Hoa Kỳ và khu vực đồng Euro yếu đi, trong khi lộ trình phục hồi kinh tế của Trung Quốc còn nhiều bất định; nhu cầu trong nước có thể bị ảnh hưởng do lạm phát cao hơn dự kiến. Số liệu thống kê ước tính 2 tháng đầu năm 2023 cho thấy Việt Nam tiếp tục gặp nhiều khó khăn, thách thức: Chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp (IIP) ước giảm 6,3% so với cùng kỳ năm trước (cùng kỳ năm 2022 tăng 5,6%), trong đó, ngành chế biến, chế tạo giảm 6,9%; Kim ngạch xuất khẩu hàng hóa ước giảm 10,4%, kim ngạch nhập khẩu hàng hóa ước giảm 16% so với cùng kỳ năm trước; chỉ số giá tiêu dùng (CPI) bình quân 02 tháng đầu năm tăng 4,6%; ổn định kinh tế vĩ mô chưa thực sự vững chắc, sức ép lạm phát còn cao, rủi ro nợ xấu gia tăng...

Trong bối cảnh đó tỉnh Vĩnh Phúc đã bám sát sự chỉ đạo của Trung ương, triển khai thực hiện nhiều nhóm giải pháp đồng bộ để nhanh chóng khắc phục các khó khăn, đảm bảo an sinh xã hội, an ninh, chính trị và trật tự an toàn xã hội, đồng thời duy trì sự ổn định của các ngành sản xuất như nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản. Cùng với đó, sự phục hồi mạnh mẽ của ngành dịch vụ sau hậu COVID-

¹ Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF) nhận định tăng trưởng toàn cầu năm 2023 đạt 2,9%, cao hơn 0,2 điểm phần trăm so với dự báo tháng 10/2022. Fitch Ratings (FR) nhận định triển vọng tăng trưởng kinh tế thế giới trong ngắn hạn được cải thiện đáng kể khi đạt mức 2,0% năm 2023, điều chỉnh tăng 0,6 điểm phần trăm so với dự báo trong tháng 12/2022. Tổ chức Hợp tác và Phát triển kinh tế (OECD) nhận định tăng trưởng toàn cầu năm 2023 có dấu hiệu tăng, dự báo đạt 2,6% trong năm 2023, tăng 0,4 điểm phần trăm so với dự báo trong tháng 11/2022. Tuy nhiên, Ngân hàng Thế giới (WB) và Liên hợp quốc (UNDESA) đưa ra dự báo bi quan hơn về tăng trưởng kinh tế toàn cầu năm 2023 trong các báo cáo đầu năm 2023. WB nhận định tăng trưởng toàn cầu chỉ đạt 1,7% năm 2023, thấp hơn 1,3 điểm phần trăm so với dự báo trong tháng 6/2022; UNDESA nhận định tăng trưởng kinh tế toàn cầu năm 2023 chỉ đạt 1,9%, giảm 1,2 điểm phần trăm so với dự báo trong tháng 6/2022.

Dự báo tăng trưởng năm 2022 của các tổ chức này năm 2022 lần lượt là: IMF 3,4%; FR 2,6%; OECD 3,2%; WB 2,9%; UNDESA 3%.

19 cũng góp phần quan trọng vào việc đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Tuy nhiên, Vĩnh Phúc là một trong những tỉnh có quy mô công nghiệp lớn tại Việt Nam do đó sự suy giảm của nền kinh tế toàn cầu đã ảnh hưởng trực tiếp đến nền kinh tế của tỉnh. Việc giảm nhu cầu tiêu dùng và tăng lượng hàng tồn kho gây nên áp lực cho các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực công nghiệp, đây là nguyên nhân chính gây ra sự suy giảm tăng trưởng kinh tế trong quý I của tỉnh Vĩnh Phúc. Kết quả đạt được như sau:

I. TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ

1. Tổng sản phẩm trên địa bàn

Tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh quý I/2023 ước giảm 2,47% so với cùng kỳ năm trước, trong đó ngành công nghiệp, xây dựng giảm 6,69%, ngành nông nghiệp tăng 2,46%, riêng ngành dịch vụ duy trì được mức tăng 8,91% so với cùng kỳ năm 2022. Cụ thể tăng trưởng các ngành như sau:

1.1. Tăng trưởng khu vực nông, lâm nghiệp, thủy sản

Giá trị tăng thêm (GTTT) khu vực nông, lâm nghiệp, thủy sản tăng 2,46% so với cùng kỳ, chủ yếu tăng từ ngành chăn nuôi tăng 4,16%, đóng góp 0,14 điểm% vào tăng trưởng chung. Quý I/2023, mặc dù ngành sản xuất chăn nuôi trên địa bàn tiếp tục gặp nhiều khó khăn về giá thức ăn tăng cao, giá bán một số sản phẩm thấp, đặc biệt là chăn nuôi lợn... song toàn ngành nông nghiệp và người chăn nuôi vẫn nỗ lực duy trì hoạt động sản xuất, kinh doanh, góp phần ổn định thị trường. Tổng sản lượng thịt hơi xuất chuồng quý I ước đạt 36,5 nghìn tấn, tăng 3% so với cùng kỳ, các sản phẩm chăn nuôi chủ yếu có sự gia tăng với quý I năm trước: thịt lợn hơi tăng 3,3%; gia cầm tăng 3,31%; sữa bò tươi tăng 6,6%; trứng gia cầm tăng 6,92%.

Ngành trồng trọt chịu tác động không nhỏ của xu hướng giảm diện tích gieo trồng do quá trình đô thị hóa, công nghiệp hóa. Thời tiết mưa nhiều ở đầu vụ đã ảnh hưởng đến năng suất, sản lượng một số loại cây trồng. Sản lượng thu hoạch trong kỳ của hầu hết các loại cây trồng đều giảm: Ngô đạt 25,82 nghìn tấn, giảm 2,08%; Khoai lang đạt 15,27 nghìn tấn, giảm 3,94%; Rau các loại đạt 122 nghìn tấn giảm 3,37%... Giá trị tăng thêm ngành trồng trọt giảm 0,71%, làm giảm 0,01 điểm % tăng trưởng.

Ngành Lâm nghiệp tiếp tục sản xuất ổn định, tăng 3,14% so với cùng kỳ. Sản xuất thủy sản tăng 2,70% so với cùng kỳ.

1.2. Tăng trưởng khu vực công nghiệp - xây dựng

GTTT khu vực công nghiệp - xây dựng giảm 6,69%, làm giảm 3,33 điểm % tăng trưởng của tỉnh. Trong đó, GTTT ngành công nghiệp giảm 7,7%, làm giảm

3,47 điểm %. Nền kinh tế toàn cầu tiếp tục gặp nhiều khó khăn, nhu cầu tiêu dùng giảm, lượng hàng tồn kho tăng cao nên số lượng và quy mô đơn hàng của các doanh nghiệp giảm, ảnh hưởng không nhỏ đến kết quả sản xuất công nghiệp trên địa bàn. Chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp (IIP) quý I/2023 ước tính giảm 7,98% so với cùng kỳ, là quý duy nhất có IIP giảm trong nhiều năm trở lại đây. Trong công nghiệp, hầu hết các ngành công nghiệp chủ lực của tỉnh có đều giảm hoặc tăng thấp trong quý I/2023:

- Ngành linh kiện điện tử với tỷ trọng chiếm trên 50% giá trị sản xuất của toàn ngành công nghiệp, tốc độ tăng từ năm 2016 trở lại đây luôn ở mức cao², là động lực chính đóng góp tăng trưởng của ngành công nghiệp cũng như tăng trưởng toàn tỉnh. Tuy nhiên, bước sang Quý I/2023, hoạt động sản xuất của các doanh nghiệp linh kiện điện tử có xu hướng chững lại do chịu tác động bởi những khó khăn chung của kinh tế thế giới, nhu cầu thị trường nước ngoài thấp, lượng hàng tồn kho tăng cao dẫn đến quy mô sản xuất bị thu hẹp. Ước tính tăng trưởng quý I/2023 ngành sản xuất linh kiện điện tử đạt mức tăng thấp 2,91%, đóng góp 0,57 điểm % vào tăng trưởng chung.

- Ngành sản xuất ô tô giảm 37,39%, làm giảm 1,66 điểm %. Quý I, thị trường tiêu thụ sản phẩm của ngành kém sôi động, lãi suất ngân hàng hiện vẫn ở mức cao, hạn mức cho vay bị thu hẹp, quy trình xét duyệt vay vốn còn nhiều bất cập khiến nhu cầu mua sắm ô tô sụt giảm. Trong khi, quý I năm 2022, nhu cầu mua sắm ô tô tăng cao do tác động của Nghị định số 103/2021/NĐ-CP về giảm lệ phí trước bạ đối với ô tô sản xuất, lắp ráp trong nước bằng 50% mức thu hiện hành đã kích cầu tiêu dùng, thúc đẩy các doanh nghiệp trong ngành gia tăng sản lượng. Lượng tồn kho đầu kỳ lớn nên sản lượng sản xuất trong quý của các doanh nghiệp trong ngành giảm sâu so với quý trước và so cùng kỳ.

- Ngành sản xuất xe máy giảm 8,89%, làm giảm 0,91 điểm%, trong điều kiện kinh tế còn khó khăn, nhiều đối tượng khách hàng thắt chặt chi tiêu, trì hoãn lại việc mua sắm, thay mới các mẫu xe máy mới. Do vậy, sản lượng sản phẩm sản xuất của ngành trong quý giảm so với cùng kỳ.

- Ngành sản xuất kim loại giảm 17,09%, làm giảm 0,36 điểm%. Giá thép liên tục tăng trong các tháng đầu năm do ảnh hưởng của biến động giá nguyên liệu đầu vào đã làm một số dự án đầu tư công cũng như các công trình xây dựng dân dụng phải tạm dừng hoặc giãn tiến độ thi công, nhu cầu tiêu thụ các sản phẩm của ngành suy giảm.

² Tốc độ tăng trưởng ngành linh kiện điện tử các năm từ 2016 đến 2022 là: 59,52%; 72,10%; 33,34%; 42,37%; 22,29%; 36,97%; 23,08%

Ngành xây dựng: Ngành xây dựng tiếp tục gặp khó khăn do giá cả nguyên vật liệu tăng cao; thị trường bất động sản đang trầm lắng; lãi suất ngân hàng ở mức cao gây khó khăn trong việc tiếp cận vốn tín dụng... Tuy nhiên, với nỗ lực của các cấp chính quyền trong việc quyết liệt triển khai vốn đầu tư công, hoạt động xây dựng của các doanh nghiệp và trong dân cư vẫn duy trì được sự ổn định. GTTT ngành xây dựng quý I/2023 tăng 2,97% so năm trước, đóng góp 0,14 điểm % tăng trưởng GRDP của tỉnh.

1.3. Tăng trưởng khu vực dịch vụ

GTTT ngành dịch vụ đạt mức tăng 8,91%, đóng góp 1,79 điểm % vào mức tăng GRDP. Khu vực dịch vụ đang có bước phục hồi và phát triển mạnh mẽ trở lại sau đại dịch, đóng góp tích cực vào sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Bên cạnh đó, dưới sự chỉ đạo sát sao của các cấp ngành trong triển khai các kế hoạch xúc tiến thương mại, xúc tiến du lịch năm 2023; khai thác tốt thị trường nội địa, phát triển mạnh thương mại điện tử đã làm đòn bẩy phát triển cho ngành dịch vụ của tỉnh. Trong đó tăng trưởng của một số ngành dịch vụ chiếm tỷ trọng lớn đã đóng góp nhiều vào tốc độ tăng tổng giá trị tăng thêm nền kinh tế, cụ thể:

Ngành bán buôn, bán lẻ; sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác tăng 11,86% so với cùng kỳ năm trước, đóng góp 0,66 điểm % vào mức tăng GRDP; Ngành vận tải kho bãi tăng 10,74%, đóng góp 0,19 điểm %; Ngành dịch vụ lưu trú và ăn uống tăng 25,58%, đóng góp 0,24 điểm %; Hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm tăng 7,92%, đóng góp 0,16 điểm %; Hoạt động hành chính và dịch vụ hỗ trợ tăng 41,62%, đóng góp 0,18 điểm %.

2. Sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản

Quý I năm 2023, bà con các địa phương tập trung thu hoạch cây vụ Đông và gieo trồng vụ Xuân; tuy sản lượng cây trồng vụ Đông giảm hơn so với cùng kỳ, nhưng vẫn đảm bảo lương thực cho tiêu dùng; gieo trồng vụ Xuân diễn ra đúng khung lịch thời vụ nên cây trồng phát triển tốt. Sản xuất chăn nuôi gặp khó khăn do giá cả một số sản phẩm như thịt gia cầm, thịt lợn bắp bệnh, không ổn định, giá thức ăn chăn nuôi giữ ở mức cao. Sản xuất lâm nghiệp, thủy sản duy trì sự ổn định và gia tăng so với cùng kỳ. Các biện pháp phòng chống dịch bệnh cho cây trồng, vật nuôi được thực hiện tốt. Trong kỳ không phát sinh các ổ dịch bệnh nghiêm trọng.

2.1. Sản xuất nông nghiệp

a. Trồng trọt

- Sản xuất vụ Đông:

Thời tiết mưa nhiều ở đầu vụ đã có ảnh hưởng nhất định đến sinh trưởng, phát triển của một số loại cây. Diện tích hầu hết các loại cây chính vụ đông năm

2023 đều giảm, đạt 14.831 ha, giảm 4,04% so với cùng kỳ và đạt 98,87% kế hoạch. Trong đó: diện tích ngô đạt 5.388 ha, giảm 5,31%; khoai lang đạt 1.227 ha giảm 4,62%; đậu tương 442 ha, giảm 10,48%; lạc 209 ha, giảm 10,53%; rau các loại 5.167 ha, giảm 4,9%... Sản lượng hầu hết các loại cây rau màu chính vụ Đông đều giảm: Ngô đạt 25.817 tấn, giảm 2,08%; Khoai lang đạt 15.267 tấn, giảm 3,94%; đậu tương 834,8 tấn, giảm 15,07%; rau các loại đạt 122.065 tấn, giảm 3,37%...

- Gieo trồng vụ Xuân năm 2023:

Tính đến trung tuần tháng Ba, toàn tỉnh đã gieo trồng được 37.042 ha cây vụ Xuân, đạt 97,48% kế hoạch và giảm 2,43% (-921,19 ha) so với vụ Xuân năm 2022, giảm ở tất cả các cây trồng chính chủ yếu.

Diện tích một số cây hằng năm vụ Xuân 2023					
29.030,09ha	1.943,5 ha	212,91 ha	83,04 ha	1.412,91 ha	2.345,11ha
					
Lúa	Ngô	Khoai lang	Đậu tương	Lạc	Rau các loại
▼1,07% (-312,74 ha)	▼6,66% (-138,73 ha)	▼10,51% (-25,01 ha)	▼6,59% (-5,86 ha)	▼1,35% (-19,28 ha)	▼9,61% (-250,29 ha)

Xác định vụ Xuân là vụ sản xuất chủ lực, có vai trò quan trọng, quyết định đến kết quả sản xuất nông nghiệp của cả năm nên để hoàn thành kế hoạch sản xuất và đảm bảo an ninh lương thực, cơ quan chức năng của tỉnh đã tăng cường thông tin, tuyên truyền hướng dẫn bà con nông dân thường xuyên kiểm tra đồng ruộng, theo dõi chặt chẽ diễn biến thời tiết để sớm phát hiện sâu bệnh hại; bảo đảm đủ nước để cây trồng sinh trưởng, phát triển thuận lợi.

b. Chăn nuôi

Sản xuất chăn nuôi trên địa bàn có gặp khó khăn, giá cả một số sản phẩm như thịt gia cầm, thịt lợn bắp bênh, không ổn định³, giá thức ăn chăn nuôi giữ ở mức cao, gây tâm lý e ngại trong việc đầu tư mở rộng quy mô đàn. Tuy nhiên, với nỗ lực của bà con nông dân và sự hỗ trợ của các ngành chức năng, kết quả sản xuất chăn nuôi vẫn đạt được mức khá và có sự tăng trưởng so với cùng kỳ. Công tác kiểm tra, giám sát tình hình dịch bệnh trên đàn gia súc, gia cầm trong quý được

³ Giá tháng lợn hơi xuất chuồng tháng Ba trên địa bàn dao động khoảng từ 46.000 đồng/kg - 51.000 đồng/kg, trung bình giảm 5.000đ/kg; Giá gà thịt công nghiệp tháng ba 34.000 đồng/kg - 36.000 đồng/kg (tăng khoảng 6.000 đồng/kg), giá vịt thịt đạt 36.000 đồng/kg - 45.000 đồng/kg tùy loại giống (tăng khá cao với mức tăng từ 11.000 đồng/kg - 15.000 đồng/kg), giá trứng gà công nghiệp 1.800 đồng/quả - 2.000 đồng (tăng 500 đồng/quả).

thực hiện tốt nên đến nay, chưa phát hiện ổ dịch bệnh truyền nhiễm Cúm gia cầm, Lở mồm long móng, Tai xanh, Dịch tả lợn Châu Phi trên đàn vật nuôi trên phạm vi toàn tỉnh.

Số lượng đàn gia súc, gia cầm ước tính đến cuối tháng Ba: đàn trâu có 16,8 nghìn con, giảm 4,0% so cùng thời điểm năm trước; đàn bò có 96,1 nghìn con, giảm 0,93%; đàn lợn 475,9 nghìn con, tăng 1,44%; đàn gia cầm 12,05 nghìn con, tăng 1,93%. Tính chung ba tháng đầu năm, sản lượng thịt hơi xuất chuồng và các sản phẩm chăn nuôi khác đạt mức tăng khá: tổng sản lượng thịt hơi xuất chuồng trong quý I ước đạt 36.484 tấn, tăng 3% so với cùng kỳ; sản lượng thịt lợn hơi xuất chuồng ước đạt 23.200 tấn, tăng 3,3%; thịt gia cầm hơi xuất chuồng ước đạt 11.620 tấn, tăng 3,31%; sản lượng sữa bò tươi ước đạt 15.350 tấn, tăng 6,6%; trứng gia cầm ước đạt 198,7 triệu quả, tăng 6,9% so với cùng kỳ.

2.2. Sản xuất lâm nghiệp

Quý I, các đơn vị sản xuất lâm nghiệp cũng như các chủ rừng chuẩn bị hiện trường, cây giống và tiến hành trồng rừng mới. Kết quả sản xuất 3 tháng đầu năm: diện tích rừng trồng mới tập trung trong tháng ước 143,6 ha, tăng 31,74% so với cùng kỳ; sản lượng gỗ khai thác ước đạt 11.076,2 m³, tăng 3,07%; sản lượng củi ước đạt 7.487 ste, tăng 1,15%; tổng số lượng cây trồng phân tán 298,6 nghìn cây, giảm 11,03%, số lượng cây phân tán trồng giảm chủ yếu do quỹ đất trồng ngày càng bị thu hẹp.

Trong quý I, xảy ra 01 vụ cháy rừng tại thôn Thanh Cao, xã Ngọc Thanh, thành phố Phúc Yên với tổng diện tích cháy và thiệt hại là 1,6 ha.

2.3. Sản xuất thủy sản

Sản xuất thủy sản trên địa bàn tỉnh trong quý I nhìn chung ổn định. Thời tiết thuận lợi, đàn cá phát triển tốt, không có dịch bệnh xảy ra; giá các sản phẩm thủy sản giữ ở mức khá, người nuôi trồng yên tâm sản xuất.

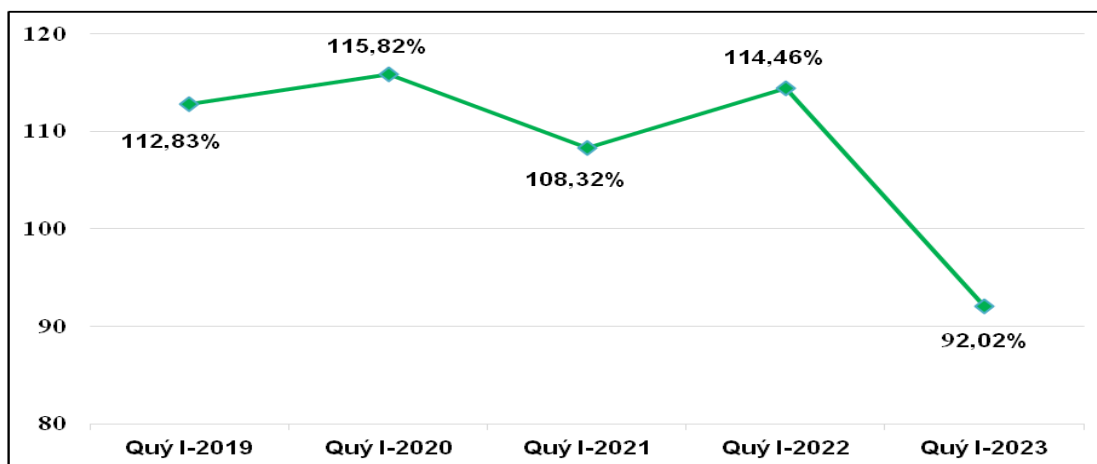
Tổng sản lượng thủy sản trong tháng Ba ước đạt 1.872,4 tấn, tăng 1,18% (+21,76 tấn) so với cùng kỳ; trong đó, sản lượng khai thác nội địa ước đạt 193,8 tấn, giảm nhẹ; sản lượng nuôi trồng ước đạt 1.678,58 tấn, tăng 1,41% (+23,26 tấn). Tính chung quý I năm 2023, tổng sản lượng thủy sản ước đạt 5.734 tấn, tăng 2,52%, (+140,9 tấn); trong đó, sản lượng khai thác nội địa ước đạt 467,5 tấn, tăng nhẹ; sản lượng nuôi trồng ước đạt 5.266,5 tấn, tăng 2,74% (+140,41 tấn) so với quý I năm 2022.

3. Sản xuất công nghiệp

Quý I năm 2023, sản xuất công nghiệp trên địa bàn tỉnh diễn ra trong bối cảnh nền kinh tế toàn cầu tiếp tục gặp nhiều khó khăn, nhu cầu tiêu dùng giảm,

lượng hàng tồn kho tăng cao nên số lượng và quy mô đơn hàng của các doanh nghiệp giảm, ảnh hưởng không nhỏ đến kết quả sản xuất công nghiệp trên địa bàn. Tính chung 03 tháng đầu năm 2023, IIP ước giảm 7,98% so với cùng kỳ năm trước, là năm có chỉ số lũy kế đến hết tháng Ba thấp nhất so với cùng thời điểm trong 5 năm trở lại đây.

Hình 1. Chỉ số sản xuất công nghiệp quý I giai đoạn 2019 - 2023



3.1 Chỉ số sản xuất công nghiệp

Tháng 03/2023, ước tính chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp (IIP) tăng 7,76% so với tháng trước và giảm 7,34% so với cùng kỳ năm trước.

So với cùng kỳ, ngành khai khoáng giảm 18,39%; ngành công nghiệp chế biến, chế tạo giảm 7,49%; ngành sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hoà không khí tăng 2,00%; ngành cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 8,61%. Trong các ngành công nghiệp cấp II, có 10/24 ngành có IIP tăng so với cùng kỳ. Một số ngành có chỉ số tăng cao so với cùng kỳ như: Ngành dệt tăng 66,15%; sản xuất trang phục tăng 8,67%; sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu tăng 8,6%; ngành sản xuất linh kiện điện tử đạt mức tăng thấp 4,68%... Một số ngành có chỉ số giảm sâu: sản xuất ô tô giảm 47,31%; sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại giảm 28,1%; sản xuất cao su và plastic giảm 22,27%; sản xuất xe máy giảm 15,29%...

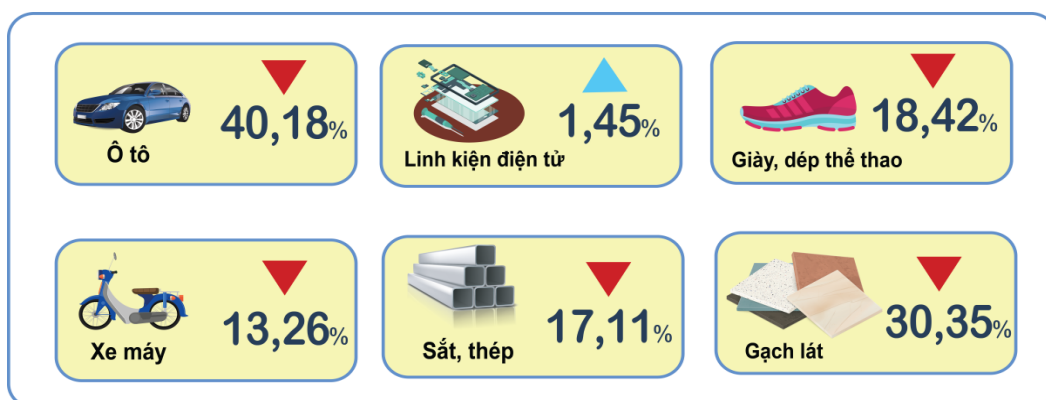
Tính chung 03 tháng đầu năm 2023, IIP ước giảm 7,98% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, có tới 18/24 ngành cấp II có chỉ số sản xuất giảm. Một số ngành công nghiệp chủ lực của tỉnh, trừ ngành sản xuất linh kiện điện tử có mức tăng nhẹ 1,45%, các ngành còn lại có chỉ số giảm so với cùng kỳ: sản xuất ô tô

giảm 40,18%⁴; sản xuất xe máy giảm 13,26%; sản xuất trang phục giảm 8,96%; sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại khác giảm 30,35%; sản xuất kim loại giảm 17,11%...

Sản lượng sản xuất một số sản phẩm trong tháng tuy có tăng so với tháng trước nhưng giảm đáng kể so với cùng kỳ do nhu cầu tiêu thụ tại các thị trường xuất khẩu truyền thống suy giảm, tình trạng thiếu hụt đơn hàng vẫn chưa được khắc phục, lượng hàng tồn kho tăng cao. Kết quả sản xuất dự kiến đạt được so với cùng kỳ như sau: thức ăn gia súc, gia cầm đạt 21.500 tấn, giảm 7,21%; giày thể thao đạt 1.006 ngàn đôi, giảm 14,87%; gạch ốp lát đạt 7.111 ngàn m², giảm 28,10%; ô tô các loại đạt 2.996 xe, giảm 47,31%; xe máy các loại đạt 137.506 xe, giảm 15,29%; riêng doanh thu dịch vụ sản xuất linh kiện điện tử tăng so với tháng trước nhưng có mức tăng thấp, ước đạt 15.848 tỷ đồng, tăng 4,68%.

Tính chung quý I/2023, chỉ có doanh thu dịch vụ sản xuất linh kiện điện tử tăng so với cùng kỳ, sản lượng các sản phẩm chủ yếu khác đều giảm.

Hình 2. Tốc độ tăng sản lượng một số sản phẩm công nghiệp chủ yếu
Quý I năm 2023 so với cùng kỳ (%).



Chỉ số sử dụng lao động của các doanh nghiệp công nghiệp trên địa bàn tháng 03/2023 tăng 1,57% so với tháng trước và tăng 6,28% so với cùng kỳ. Quý I/2023, mặc dù tình hình sản xuất, kinh doanh gặp nhiều khó khăn, nhưng thị trường lao động trên địa bàn tỉnh giữ được sự ổn định, các doanh nghiệp sản xuất công nghiệp trên địa bàn tích cực tìm kiếm đơn hàng, mở rộng thị trường tiêu thụ, chấp nhận những đơn hàng ngắn hạn, quy mô nhỏ để duy trì, ổn định sản xuất, đảm bảo việc làm và thu nhập cho người lao động. Chỉ số cộng dồn từ đầu năm đến cuối tháng 3/2023 so với 3 tháng năm 2022 tăng 4,79%. Trong đó chỉ số sử

⁴ IIP ngành sản xuất ô tô giảm sâu một phần nguyên nhân do giảm trên nền tăng cao của quý I năm 2022, các doanh nghiệp trong ngành gia tăng sản lượng sản xuất do Nghị định số 103/2021/NĐ-CP về giảm lệ phí trước bạ đối với ô tô sản xuất, lắp ráp trong nước bằng 50% mức thu hiện hành đã kích cầu tiêu dùng, nhu cầu mua sắm.

dụng lao động của doanh nghiệp FDI tăng 5,04%, doanh nghiệp ngoài quốc doanh tăng 3,57% và doanh nghiệp Nhà nước vẫn tiếp tục xu hướng giảm, giảm 2,45% so với cùng kỳ.

Chỉ số tiêu thụ toàn ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tháng 03/2023 tăng 9,11% so với tháng trước và giảm 18,48% so cùng kỳ năm trước. So với tháng trước, 16 ngành công nghiệp cấp 2 có chỉ số tiêu thụ tăng với một số ngành tăng cao là: sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn (trừ máy móc, thiết bị) tăng 50,44%; sản xuất máy móc thiết bị chưa được phân vào đâu tăng 17,81%; sản xuất xe có động cơ tăng 14,67%; sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại khác tăng 13,52%...; 02 ngành còn lại có chỉ số tiêu thụ giảm là sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic giảm 23,75% và sản xuất giấy, sản phẩm từ giấy giảm 4,79%.

Chỉ số tồn kho tháng 03/2023 toàn ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 0,63% so với tháng trước và giảm 29,82% so với cùng kỳ. Một số ngành có chỉ số tồn kho tăng cao so với tháng trước là: sản xuất phương tiện vận tải khác tăng 44,08%; chế biến gỗ và sản xuất sản phẩm từ gỗ, tre, nứa (trừ giường, tủ, bàn, ghế) tăng 11,88%; sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic tăng 9,88%. Các ngành có chỉ số tồn kho giảm đáng kể là: Sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu giảm 20,72%; sản xuất kim loại giảm 17,31%; sản xuất da và các sản phẩm có liên quan giảm 16,25%; sản xuất trang phục giảm 10,18%.

3.2. Xu hướng sản xuất kinh doanh ngành công nghiệp chế biến, chế tạo

Theo kết quả khảo sát các doanh nghiệp ngành công nghiệp chế biến, chế tạo: Có 15,73% doanh nghiệp đánh giá hoạt động sản xuất kinh doanh quý I/2023 so với quý IV/2022 tốt hơn, 47,19% doanh nghiệp đánh giá giữ ổn định và 37,08% doanh nghiệp đánh giá hoạt động sản xuất kinh doanh gặp khó khăn hơn⁵. Các yếu tố chủ yếu ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp trong quý I/2023 theo mức độ từ cao xuống thấp gồm: (1) tính cạnh tranh của hàng hóa trong nước cao; (2) nhu cầu thị trường trong nước thấp; (3) lãi suất vay vốn cao; (4) nhu cầu thị trường quốc tế thấp; (5) không tuyển được lao động theo yêu cầu; và (6) khó khăn về tài chính.

Dự báo quý II/2023, tình hình sản xuất kinh doanh sẽ khởi sắc hơn so với quý I/2023 với 82,02% doanh nghiệp đánh giá hoạt động sản xuất kinh doanh tốt hơn và ổn định (41,57% tốt hơn, 40,45% giữ ổn định). Trong số các doanh nghiệp được khảo sát, có 41,18% doanh nghiệp dự kiến có đơn hàng tăng lên và 23,53%

⁵ Chỉ số tương ứng của quý IV/2022: 74,4% doanh nghiệp đánh giá tình hình sản xuất kinh doanh tốt lên và giữ ổn định (34,4% tốt lên và 40,0% giữ ổn định), 25,6% doanh nghiệp đánh giá khó khăn hơn.

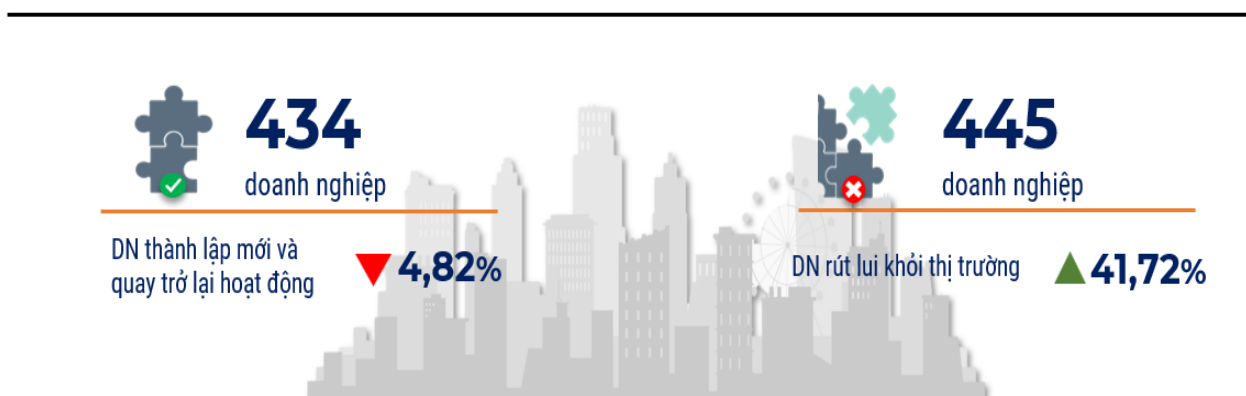
doanh nghiệp dự kiến có đơn hàng ổn định so với quý I/2023. Bên cạnh đó, có 41,57% doanh nghiệp dự báo khối lượng sản xuất tăng và 42,70% doanh nghiệp dự báo ổn định. Tuy nhiên, vẫn có 35,29% doanh nghiệp được khảo sát dự kiến đơn hàng trong quý II sẽ giảm, và 15,73% doanh nghiệp dự báo giảm khối lượng sản xuất so với quý I/2023.

4. Hoạt động của doanh nghiệp

Những tháng đầu năm 2023, tăng trưởng kinh tế toàn cầu chậm lại và rủi ro bất ổn tài chính gia tăng ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp trong nước và trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc. Điều đó phần nào đã tác động đến tình hình doanh nghiệp đăng ký trong quý I năm 2023 khi số doanh nghiệp tạm ngừng kinh doanh tăng cao, số doanh nghiệp quay trở lại hoạt động giảm so với cùng kỳ năm trước. Quy mô vốn đăng ký bình quân/doanh nghiệp cũng có xu hướng giảm.

Tính đến ngày 15/3/2023, toàn tỉnh có 304 doanh nghiệp đăng ký thành lập mới với tổng số vốn đăng ký là 2.363 tỷ đồng, tăng 12,18% về số doanh nghiệp, giảm 34,88% về vốn đăng ký so với cùng kỳ. Số lao động đăng ký là 1.731 người, tăng 22,68% so với cùng kỳ. Vốn đăng ký bình quân một doanh nghiệp thành lập mới đạt 7,77 tỷ đồng, giảm 41,97% so với cùng kỳ. Cơ cấu doanh nghiệp thành lập theo lĩnh vực hoạt động, số lượng doanh nghiệp thành lập trong kỳ tập trung ở những ngành kinh tế lớn là: Bán buôn, bán lẻ, sửa chữa ô tô, xe máy có 107 doanh nghiệp (chiếm 35,20%) tăng 25,88%; xây dựng có 56 doanh nghiệp (chiếm 18,42%) tăng 24,44%; công nghiệp chế biến, chế tạo có 54 doanh nghiệp (chiếm 17,76%) tăng 14,89%; hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ có 20 doanh nghiệp (chiếm 6,58%) giảm 23,08% so với cùng kỳ năm trước; ...

Hình 4: Đăng ký doanh nghiệp đến ngày 15/3/2023



Số doanh nghiệp quay trở lại hoạt động là 130 doanh nghiệp, giảm 29,73% so với cùng kỳ, nâng tổng số doanh nghiệp thành lập mới và doanh nghiệp quay trở lại hoạt động lên 434 doanh nghiệp (trung bình mỗi tháng có 144 doanh nghiệp thành lập mới và quay trở lại hoạt động), tập trung chủ yếu ở loại hình doanh

ng nghiệp “công ty trách nhiệm hữu hạn” với 260 doanh nghiệp thành lập mới và 104 doanh nghiệp quay trở lại hoạt động.

Cùng trong kỳ, số doanh nghiệp rút lui khỏi thị trường tăng cao. Số lượng doanh nghiệp tạm ngừng kinh doanh có thời hạn, ngừng hoạt động chờ làm thủ tục giải thể và hoàn tất thủ tục giải thể trong kỳ là 445 doanh nghiệp, tăng 41,72% so với cùng kỳ, bao gồm: 426 doanh nghiệp tạm ngừng kinh doanh có thời hạn, tăng 45,39%; 19 doanh nghiệp hoàn tất thủ tục giải thể, giảm 9,52% so với cùng kỳ. Trung bình mỗi tháng có 148 doanh nghiệp rút lui khỏi thị trường.

5. Thương mại, dịch vụ

Do không còn ảnh hưởng bởi dịch bệnh Covid-19 như cùng thời điểm năm trước nên các hoạt động thương mại và dịch vụ trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc trong quý I diễn ra khá sôi động; nhu cầu về đi lại du xuân, du lịch, ăn uống ngoài gia đình của người dân tăng khá cao so với cùng kỳ năm 2022; nhiều lễ hội được tổ chức với quy mô lớn, thu hút đông đảo du khách tham quan qua đó, góp phần quan trọng vào quá trình phục hồi nhanh và phát triển bền vững kinh tế - xã hội của tỉnh. Tổng mức bán lẻ hàng hóa, doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống, du lịch lữ hành và doanh thu dịch vụ tiêu dùng Quý I/2023 ước đạt 19.653,90 tỷ đồng tăng 32,29% so với quý I/2022.

5.1. Bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ tiêu dùng

Tháng Ba, tổng mức bán lẻ hàng hóa, doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống, du lịch lữ hành và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tiếp tục duy trì được tốc độ tăng cao so với cùng kỳ, ước đạt 6.426,30 tỷ đồng, tăng 2,22% so với tháng trước và tăng 32,51% so với cùng kỳ. Trong đó, doanh thu bán lẻ hàng hóa ước đạt 5.541,17 tỷ đồng, tăng 1,89% so với tháng trước và tăng 28,39% so với cùng kỳ năm trước, tăng ở hầu hết các nhóm ngành hàng thiết yếu; doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống, du lịch lữ hành ước đạt 586,79 tỷ đồng, tăng 5,33% so với tháng trước và tăng 102,03% so với tháng 3/2022; doanh thu các ngành dịch vụ tiêu dùng khác ước đạt 298,35 tỷ đồng, tăng 2,43% so với tháng 2 và tăng 22,54% so với cùng kỳ.

Tính chung ba tháng đầu năm, tổng mức bán lẻ hàng hóa, doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống, du lịch lữ hành và doanh thu dịch vụ tiêu dùng ước đạt 19.653,90 tỷ đồng tăng 32,29% so với cùng kỳ. Xét về cả quy mô và tốc độ đều đạt mức tăng trưởng cao nhất kể từ năm 2018 đến nay, cho thấy ngành thương mại, dịch vụ đang có bước phục hồi và phát triển mạnh mẽ trở lại sau đại dịch, đóng góp tích cực vào sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Trong đó, doanh thu bán lẻ hàng hóa 17.010,4 tỷ đồng tăng 28,90% so với quý I/2022; doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống, du lịch lữ hành ước đạt 1.734,92 tỷ đồng, tăng 78,65% so với

quý I/2022; doanh thu các ngành dịch vụ tiêu dùng khác đạt 908,63 tỷ đồng tăng 31,74% so với quý I/2022.

Quy mô và tốc độ tăng của Tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng quý I giai đoạn 2018-2023



5.2. Vận tải hành khách và hàng hoá

Tháng 03/2023, doanh thu hoạt động vận tải kho bãi ước đạt 457,42 tỷ đồng, tăng 1,98% so với tháng trước và tăng 23,19% so với cùng kỳ. So với tháng trước, các hoạt động du xuân, du lịch, tham gia lễ hội dịp đầu năm mới của người dân có phần hạn chế hơn nên doanh thu vận tải hành khách tháng Ba giảm gần 7,0%. Ngược chiều, vận tải hàng hóa có sự tăng trưởng trở lại với doanh thu tăng 4,26%, đáp ứng tốt nhu cầu tiêu dùng và sản xuất.

Vận tải hành khách: Doanh thu vận tải hành khách tháng Ba ước đạt 81,39 tỷ đồng, giảm 7,0% so với tháng trước và tăng 18,24% so với cùng kỳ. Vận chuyển hành khách trong tháng ước đạt 1.715 nghìn lượt người, giảm 7,3%; luân chuyển hành khách ước đạt 98.020 nghìn người.km, giảm 7,39% so với tháng trước. Tính chung 03 tháng đầu năm, vận tải hành khách ước đạt 5.292 nghìn lượt khách, tăng 58,42%; luân chuyển ước đạt 302.910 nghìn lượt khách.km, tăng 39,69% so với cùng kỳ năm trước.

Vận tải hàng hoá: Doanh thu hoạt động dịch vụ vận tải hàng hoá tháng Ba ước đạt 349,67 tỷ đồng, tăng 4,26% so với tháng trước; khối lượng hàng hóa vận chuyển ước đạt 3.750 nghìn tấn, tăng 4,49%; khối lượng luân chuyển hàng hóa ước đạt 290.155 nghìn tấn.km, tăng 4,67% so với tháng trước. Tính chung 03 tháng đầu năm, vận tải hàng hóa đạt 10.806 nghìn tấn hàng hóa vận chuyển, tăng 26,31%; luân chuyển ước đạt 833.999 nghìn tấn.km, tăng 33,38% so với cùng kỳ năm trước.

5.3. Hoạt động xuất nhập khẩu hàng hóa

Theo số liệu báo cáo của Chi cục Hải quan tỉnh Vĩnh Phúc, kim ngạch xuất khẩu tính đến ngày 15/3/2023 trên địa bàn ước đạt 2.792,9 triệu USD, tăng 1,75% so với cùng kỳ. Về cơ cấu nhóm hàng xuất khẩu, nhóm hàng điện tử và linh kiện điện tử ước tính đạt 1.326,7 triệu USD, giảm 10,66% so với cùng kỳ năm trước, chiếm 47,5% tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hóa. Nhóm hàng máy móc, thiết bị và phụ tùng ước tính đạt 564,7 triệu USD, tăng 47,92% và chiếm 20,22%. Nhóm hàng xe máy và linh kiện phụ tùng xe máy ước đạt 260 triệu USD, tăng 18,82% và chiếm 9,31%. Nhóm dệt may ước đạt 101,6 triệu USD, giảm 14,31% và chiếm 3,64%. Nhóm linh kiện, phụ tùng ô tô ước đạt 55,5 triệu USD, tăng 23,48% và chiếm 1,99%...

Tính đến ngày 15/3/2023, kim ngạch nhập khẩu ước đạt 2.817,8 triệu USD, giảm 3,43% so với cùng kỳ. Về cơ cấu nhóm hàng nhập khẩu, nhóm hàng điện tử và linh kiện điện tử ước tính đạt 1.542 triệu USD, tăng 6,86% so với cùng kỳ năm trước, chiếm 54,73% tổng kim ngạch nhập khẩu hàng hóa. Nhóm hàng máy móc, thiết bị và phụ tùng ước tính đạt 433,7 triệu USD, giảm 6,28% và chiếm 15,39%. Nhóm hàng xe máy và linh kiện phụ tùng xe máy ước đạt 34,4 triệu USD, giảm 5,18% và chiếm 1,22%. Nhóm linh kiện phụ tùng ô tô ước đạt 84,5 triệu USD, giảm 32,13% và chiếm 3%...

II. ỔN ĐỊNH KINH TẾ VĨ MÔ

1. Tình hình thu, chi ngân sách nhà nước

Hoạt động sản xuất, tiêu thụ hàng hóa của các doanh nghiệp trên địa bàn gặp nhiều khó khăn do cầu thị trường giảm; hạn chế trong dòng vốn cho sản xuất kinh doanh và chi phí nguyên vật liệu tăng cao; mức lãi suất cho vay duy trì ở mức cao ảnh hưởng tới khả năng vay vốn của doanh nghiệp... dẫn tới giảm nguồn thu ngân sách trong kỳ. Theo số liệu của Kho bạc Nhà nước tính đến 15/3/2023, tổng thu ngân sách trên địa bàn đạt 6.952,3 tỷ đồng, giảm 24,65% so với cùng kỳ và đạt 22,94% dự toán giao đầu năm. Trong đó, thu nội địa đạt 5.959,7 tỷ đồng, giảm 23,24%, giảm sâu nhất ở các khoản thu từ đất (đạt 176,9 tỷ đồng) giảm 85,61%; tiếp theo là thu từ doanh nghiệp đầu tư nước ngoài (đạt 4.721,3 tỷ đồng), giảm 15,31%; thu Hải quan đạt 992,2 tỷ đồng, giảm 31,07% so với cùng kỳ.

Tổng chi ngân sách nhà nước đến ngày 15/3/2023 đạt 7.762,5 tỷ đồng, tăng 12,07% so với cùng kỳ. Tình hình thực hiện vốn đầu tư từ nguồn ngân sách Nhà nước trong kỳ cơ bản bám sát kế hoạch năm, tập trung hiệu quả cho các dự án trọng điểm và có xu hướng tăng so với cùng kỳ, chi đầu tư phát triển (bao gồm cả tạm ứng) đạt 5.639,7 tỷ đồng, tăng 12,91%, chi thường xuyên đạt 2.108,6 tỷ đồng,

tăng 10%. Nhìn chung, công tác quản lý chi ngân sách đã được tăng cường, kiểm soát chi chặt chẽ, quản lý chi theo dự toán, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

Hình 5: Thu chi Ngân sách Nhà nước đến ngày 15/3/2022



2. Hoạt động ngân hàng, tín dụng

Quý I/2023, thực hiện đồng thuận lãi suất, ngân hàng Nhà nước (NHNN) chi nhánh Vĩnh Phúc đã chỉ đạo các tổ chức tín dụng không tăng lãi suất huy động và tiết giảm chi phí hoạt động để giảm lãi suất cho vay nhằm hỗ trợ phục hồi kinh tế, ổn định tỷ giá và thị trường ngoại hối. Mặc dù mức lãi suất huy động và cho vay trên địa bàn có xu hướng giảm so với cuối năm 2022, nhưng so với cùng thời điểm năm trước thì mặt bằng lãi suất hiện nay vẫn đang ở mức cao⁶. Mức lãi suất cho vay trên địa bàn phổ biến từ 5-11,2%/năm đối với từng kỳ hạn và đối tượng, trong khi đó, mức lãi suất huy động bằng VNĐ phổ biến từ 0,8-9%/năm đối với từng kỳ hạn.

Hình 6: Tổng nguồn vốn huy động và tổng dư nợ cho vay ước tính đến 31/3/2023



Tổng nguồn vốn huy động dự kiến đến 31/3/2023 đạt 107.800 tỷ đồng, giảm 1,63% so với cuối năm 2022. Lãi suất huy động đang ở mức cao, cùng với nhiều chương trình ưu đãi của các ngân hàng thương mại đang được áp dụng đã

⁶ Tháng 3/2022: Lãi suất cho vay trên địa bàn từ 4-9,5%/năm; lãi suất huy động từ 0,1-6,5%/năm đối với từng kỳ hạn.

thu hút lượng tiền gửi tiết kiệm từ dân cư tăng trở lại (ước đạt 74.500 tỷ đồng) tăng 7,53% so với cuối năm 2022. Ngược lại, các doanh nghiệp nước ngoài thực hiện quyết toán, chuyển lợi nhuận về nước dẫn tới lượng tiền gửi của các tổ chức kinh tế sụt giảm (ước đạt 32.350 tỷ đồng) giảm 18,14% so với cuối năm 2022.

Tổng dư nợ cho vay ước tính đến 31/3/2023 ước đạt 116.000 tỷ đồng, tăng 0,18% so với cuối năm 2022, chủ yếu ở các khoản vay ngắn hạn, có tính thanh khoản cao. Trong đó, dư nợ cho vay ngắn hạn ước đạt 82.500 tỷ đồng, giảm 0,69%, chiếm 71,12% tổng dư nợ; dư nợ cho vay trung và dài hạn đạt 33.500 tỷ đồng, tăng 2,40% so với cuối năm 2022, chiếm 28,88% tổng dư nợ. Cơ cấu tín dụng chủ yếu cho vay ở khu vực thương mại, dịch vụ (ước đạt 63.600 tỷ đồng) giảm 10,13%; tiếp theo là khu vực công nghiệp với 44.600 tỷ đồng, tăng 15,45% và khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản đạt 7.800 tỷ đồng, tăng 22,03% so với cuối năm 2022. Phân theo đối tượng vay vốn, dư nợ khu vực hộ gia đình, tư nhân, cá thể ước đạt 67.300 tỷ đồng, chiếm 58,02% tổng dư nợ, góp phần tạo công ăn việc làm, cải thiện kinh tế hộ gia đình; khu vực doanh nghiệp ước đạt 48.700 chiếm 41,98% tổng dư nợ và giảm 0,17% so với cuối năm 2022. Nợ xấu 878 tỷ đồng tăng 44,41% so với tháng 12/2022, chiếm tỷ lệ 0,76% trên tổng dư nợ.

Kết quả thực hiện chính sách hỗ trợ lãi suất 2% đối với doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh theo ND 31 và Thông tư 03 đến lũy kế từ đầu chương trình đến 28/02/2023 có 52 khách hàng được hỗ trợ lãi suất (HTLS) với số tiền 7.256,96 triệu đồng, trong đó: 09 DN được HTLS 7.160 triệu đồng; 43 hộ kinh doanh được HTSL 96,96 triệu đồng. Doanh số cho vay được HTLS đạt 1.879,62 tỷ đồng; tổng dư nợ cho vay được HTLS đến cuối kỳ đạt 1.229,38 tỷ đồng.

3. Bảo hiểm

Quý I năm 2023, Bảo hiểm xã hội (BHXH) tỉnh đã tích cực tuyên truyền, vận động người dân tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện, đẩy mạnh tuyên truyền về chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế đến nhân dân, tạo sự lan tỏa sâu rộng, nhất là đối với nhóm đối tượng là nông dân, người lao động tự do. Kết quả trong tháng đã khai thác tăng mới 30 đơn vị với 90 lao động tham gia BHXH các loại, nâng tổng số đơn vị toàn tỉnh tham gia BHXH trong quý 3 lên 7.124 đơn vị. Cụ thể:

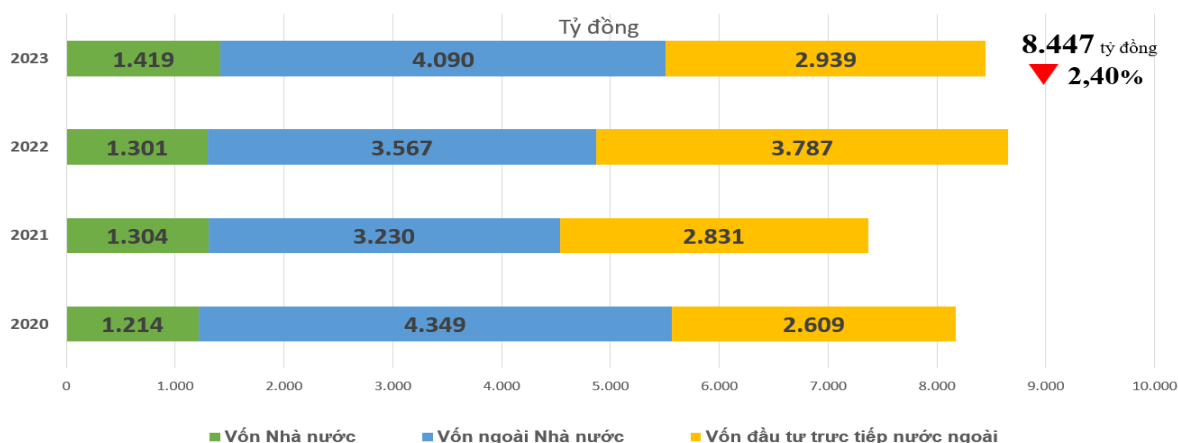
Có 246.009 người tham gia BHXH, chiếm 39,9% lực lượng lao động; tham gia BH thất nghiệp: 220.210 người; tham gia BHYT: 1.114.289 người, tỷ lệ bao phủ BHYT đạt 92,1% dân số. Tổng số tiền thu bảo hiểm các loại đến hết quý I năm 2023 đạt 1.553 tỷ đồng, tăng 10,30% so với cùng kỳ. Công tác chi trả, nhất là trả lương hưu và trợ cấp BHXH được thực hiện đồng bộ, nhanh gọn và an toàn đến tận tay đối tượng. Trong quý I, đã giải quyết các chế độ BHXH kịp thời, đúng

quy định cho các đối tượng thụ hưởng chế độ BHXH, BHYT, cụ thể: giải quyết hưởng BHXH hàng cho 114 người; giải quyết hưởng BHXH một lần cho 2.527 người; giải quyết ốm đau, thai sản, dưỡng sức cho 33.993 lượt người; lập danh sách chi trả cho 1.852 lượt người hưởng bảo hiểm thất nghiệp.

4. Hoạt động đầu tư

Vốn đầu tư phát triển toàn xã hội trên địa bàn quý I năm 2023 chịu nhiều ảnh hưởng tiêu cực từ những khó khăn trong hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp, cùng với đó hoạt động giải ngân vốn đầu tư từ nguồn ngân sách Nhà nước trên địa bàn còn chậm do công tác giải phóng mặt bằng tồn tại nhiều khó khăn, vướng mắc; thủ tục thẩm định, phê duyệt phức tạp và kéo dài; giá cả nguyên vật liệu có nhiều biến động. Do vậy, kết quả thực hiện vốn đầu tư phát triển toàn xã hội trên địa bàn tỉnh trong quý I ước đạt 8.447,5 tỷ đồng, giảm 2,40% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, vốn đầu tư Nhà nước ước đạt 1.418,6 tỷ đồng, tăng 9,04%; vốn đầu tư của dân cư và tư nhân ước đạt 4.090,1 tỷ đồng, tăng 14,65%; vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài ước đạt 2.938,8 tỷ đồng, giảm 22,39% so với cùng kỳ năm trước, nguyên nhân giảm chủ yếu do trong quý I, nhiều doanh nghiệp FDI cắt giảm các khoản đầu tư để tập trung dòng vốn duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh.

Hình 7: Vốn đầu tư phát triển toàn xã hội quý I giai đoạn 2020-2023



Trong vốn đầu tư của khu vực Nhà nước, vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách Nhà nước quý I năm 2023 ước đạt 1.241,2 tỷ đồng, bằng 16,14% kế hoạch năm và tăng 8,05% so với cùng kỳ năm trước, gồm có: Vốn ngân sách Nhà nước cấp tỉnh đạt 505,9 tỷ đồng, bằng 9,61% kế hoạch năm và giảm 4,64% do là quý đầu năm nên nhiều công trình, dự án đang trong giai đoạn chuẩn bị hồ sơ, hoàn tất thủ tục để triển khai thi công; vốn ngân sách Nhà nước cấp huyện đạt 640,1 tỷ đồng, bằng 31,84% kế hoạch năm và tăng 17,87%; vốn ngân sách Nhà

nước cấp xã đạt 95,2 tỷ đồng, bằng 22,92% kế hoạch năm và tăng 26,65% so với cùng kỳ năm trước.

Thu hút đầu tư trực tiếp

Hoạt động thu hút đầu tư của tỉnh quý I năm 2023 có sự sụt giảm ở nguồn vốn đăng ký mới, song, tín hiệu đáng mừng là nguồn vốn đăng ký điều chỉnh vẫn giữ được mức tăng trưởng dương, cho thấy môi trường đầu tư kinh doanh của tỉnh có nhiều lợi thế, giúp Vĩnh Phúc giữ chân các doanh nghiệp và tiếp tục là điểm đến đầu tư an toàn, tin cậy cho các nhà đầu tư lâu dài.

Theo số liệu Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Vĩnh Phúc đến ngày 15/3/2023, tỉnh đã cấp phép cho 03 dự án DDI (03 dự án điều chỉnh vốn) với tổng vốn đăng ký đạt 2.508 tỷ đồng, tăng 86,40% về vốn đăng ký, bằng 50,16% kế hoạch; 16 dự án FDI (6 dự án cấp mới, 10 dự án điều chỉnh vốn) với tổng vốn đăng ký đạt 174,8 triệu USD, giảm 4,61%, bằng 43,70% kế hoạch giao đầu năm. Trong đó, khu vực công nghiệp được cấp phép đầu tư lớn nhất với 979 tỷ đồng vốn đầu tư DDI và 174,8 triệu USD vốn đầu tư FDI. Trong số các quốc gia, vùng lãnh thổ đầu tư trên địa bàn tỉnh, Italia là quốc gia đầu tư nhiều nhất với tổng mức đầu tư 75 triệu USD⁷ (cho 01 dự án điều chỉnh vốn) chiếm 42,91%, đây là lần thứ 14 dự án này điều chỉnh tăng vốn đăng ký kể từ khi dự án hoạt động trên địa bàn tỉnh đến nay; theo sau là Hàn Quốc với 52,22 triệu USD, chiếm 10,23%; các quốc gia, vùng lãnh thổ còn lại đầu tư 46,58 triệu USD, chiếm 26,65 tổng vốn đăng ký FDI.

5. Chỉ số giá

Mức thu học phí năm học 2022-2023 được điều chỉnh giảm theo Nghị quyết số 165/NQ-CP của Chính phủ để hỗ trợ người dân, giá thực phẩm giảm liên tiếp trong ba tháng đầu năm, đặc biệt là giá thịt lợn, cùng với đó, việc điều chỉnh giảm giá xăng dầu trong nước là nguyên nhân chính khiến chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 3/2023 giảm 1,93% so với tháng trước. Tuy nhiên, so với cùng kỳ, CPI vẫn tăng 3,35% và bình quân 3 tháng đầu năm tăng 5,76%.

So với tháng trước, có 4/11 nhóm hàng có chỉ số giá giảm, tác động làm CPI chung giảm 1,84 điểm phần trăm, trong đó giảm sâu nhất là nhóm giáo dục với mức giảm 26,56%, tác động làm CPI giảm 1,71 điểm phần trăm do một số trường thực hiện Nghị quyết số 165/NQ-CP ngày 20/12/2022 của Chính phủ giữ ổn định mức thu học phí năm học 2022-2023 như năm học 2021-2022. Nhu cầu tiêu thụ các mặt hàng thực phẩm ổn định trong khi nguồn cung dồi dào đã làm

⁷ Công ty TNHH Piaggio Việt Nam đăng ký điều chỉnh tăng vốn đầu tư từ 90 triệu USD lên 165 triệu USD tăng quy mô sản xuất từ 250.000 xe/năm lên 400.000 xe/năm, tăng quy mô sản xuất, lắp ráp động cơ từ 300.000 động cơ lên 400.000 động cơ/năm, đưa nhà máy Piaggio Vĩnh Phúc trở thành nhà máy quan trọng nhất trên toàn cầu của tập đoàn.

cho giá bán các mặt hàng này giảm liên tiếp trong 3 tháng trở lại đây⁸, dẫn tới chỉ số giá nhóm thực phẩm giảm 1,09%, tác động làm chỉ số nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống giảm 0,67%. Nhóm giao thông trong tháng giảm 0,28% do ảnh hưởng của việc điều chỉnh giảm giá xăng dầu trong nước; nhóm bưu chính viễn thông giảm 0,01%.

Cùng trong tháng, có 07/11 nhóm có chỉ số tăng là nhóm thiết bị và đồ dùng gia đình tăng 1,26%; nhóm may mặc, mũ nón và giày dép tăng 0,51%; giá vật liệu xây dựng, giá thuê nhà và giá điện tăng⁹ trong tháng làm cho chỉ số nhóm nhà ở, điện, nước, chất đốt và VLXD tăng 0,42%; chi phí nguyên vật liệu đầu vào và cước phí vận chuyển các mặt hàng thuốc lá, rượu, nước khoáng tăng đã làm cho giá mặt hàng này tăng kéo theo chỉ số giá nhóm đồ uống và thuốc lá tăng 0,28%. Các nhóm còn lại có chỉ số giá tăng nhẹ.

Bình quân 3 tháng đầu năm 2023, CPI tăng 5,76% so với cùng kỳ năm trước, tăng ở 9/11 nhóm và giảm ở 02/11 nhóm hàng. Cụ thể: Nhóm giáo dục tăng 38,82%, làm CPI tăng 2,5 điểm phần trăm, là nhóm có chỉ số tăng cao nhất do ảnh hưởng điều chỉnh học phí tại các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh bắt đầu từ năm học 2022 - 2023; nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng 8,03%, làm CPI chung tăng 2,68 điểm phần trăm; nhóm đồ uống và thuốc lá tăng 6,11%, góp phần làm CPI chung tăng 0,11 điểm phần trăm. Ngược lại, nhóm giao thông giảm 3,38%, tác động làm CPI giảm 0,31% chủ yếu ở nhóm nhiên liệu giảm 8,87% (xăng giảm 10,43%) và nhóm phương tiện đi lại giảm 3,89%. Nhóm bưu chính, viễn thông giảm 0,16%, do giá điện thoại thể hệ cũ giảm.

- *Chỉ số giá vàng và Đô la Mỹ*: Chỉ số giá vàng trong tháng Ba giảm 1,26% so với tháng trước và giảm 1,88% so với cùng kỳ; giá Đô la Mỹ trên thị trường tự do tăng 0,38% so với tháng trước và tăng 2,35% so với cùng tháng năm trước do ảnh hưởng của việc quỹ dự trữ liên bang Mỹ (Fed) tiếp tục tăng lãi suất làm cho giá đồng Đô la trên thị trường tăng giá. Trên thị trường tự do, giá vàng bình quân là 5.456 nghìn đồng/chỉ, giá bán bình quân Đô la Mỹ là 23.710 đồng/USD.

III. MỘT SỐ VẤN ĐỀ XÃ HỘI

Quý I, mặc dù tình hình sản xuất kinh doanh trong lĩnh vực công nghiệp gặp nhiều khó khăn, nhưng thị trường lao động trên địa bàn tỉnh giữ được sự ổn định, các doanh nghiệp vẫn nỗ lực duy trì sản xuất, đảm bảo việc làm và

⁸ Giá thịt lợn tháng 3 giảm 3,64% so với tháng trước; giá thịt bò giảm 0,44%; nhóm thủy sản tươi sống giảm 5,86%; nhóm rau tươi, khô và chế biến giảm 0,98%, ...

⁹ Giá vật liệu xây dựng cát, thép, xi măng trong tháng đều tăng, đặc biệt là giá thép liên tục tăng do giá nhập các nguyên liệu đầu vào tăng đã làm cho giá vật liệu bảo dưỡng nhà ở chính tăng 2,98%; vật liệu bảo dưỡng nhà ở khác tăng 1,12%; giá thuê nhà thực tế tăng 10,50%; giá điện sinh hoạt trong tháng tăng 1,08%.

thu nhập cho người lao động. Sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản và khu vực dịch vụ có sự tăng trưởng khá so với cùng kỳ; tỉnh Vĩnh Phúc tiếp tục thực hiện nhiều chính sách thiết thực hỗ trợ bà con nông dân phát triển kinh tế và nâng cao đời sống; công tác bảo trợ xã hội, giảm nghèo và giải quyết việc làm luôn được các cấp, các ngành quan tâm và ưu tiên thực hiện. Nhìn chung tình hình đời sống dân cư và các hoạt động an sinh xã hội tiếp tục ổn định và cải thiện góp phần đảm bảo an ninh, chính trị, trật tự an toàn xã hội.

1.Lao động việc làm, bảo đảm an sinh xã hội

Công tác giải quyết việc làm được tỉnh triển khai thực hiện có hiệu quả. Từ đầu năm đến nay, toàn tỉnh ước giải quyết việc làm được 4.329 người, đạt 25,5% kế hoạch năm, bằng 78,82% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó: Ước giải quyết việc làm Quý I năm 2023 là 4329 người. Trong đó: nông nghiệp: 857 người; công nghiệp: 2172 người; thương mại dịch vụ: 1206; xuất khẩu lao động: 94 người. Đạt 25.5% so với Kế hoạch năm 2023.

Công tác giảm nghèo, an sinh xã hội: Năm 2023 tỉnh Vĩnh Phúc đang nỗ lực tích cực để giảm tỷ lệ hộ nghèo và cận nghèo trong địa phương. Năm 2023, tỉnh đặt mục tiêu giảm khoảng 1.100 hộ nghèo, tỷ lệ giảm đến cuối năm 2023 còn khoảng 0,69%, tương đương toàn tỉnh còn 2.305 hộ nghèo, giảm 0,3% so với đầu năm 2023. Phần đầu có 1.320 hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo được vay vốn tín dụng để phát triển sản xuất, giải quyết việc làm và xuất khẩu lao động.

Kết quả cho vay hộ nghèo và các đối tượng chính sách tính đến hết tháng 02/2023 như sau: Số đối tượng hiện đang được tiếp cận nguồn vốn là 104.387 khách hàng với tổng số dư nợ trên 3.878,3 nghìn tỷ đồng. Trong đó, đối tượng hộ nghèo hiện được vay vốn là 3.385, số dư nợ 221,54 tỷ đồng; cho vay đối với hộ cận nghèo là 5.858 hộ, số dư nợ 400,1 tỷ đồng; cho vay hộ mới thoát nghèo là 7.094 hộ, số dư nợ 456,1 tỷ đồng; hộ đồng bào dân tộc thiểu số đặc biệt khó khăn là 03 hộ, số dư nợ 15 triệu đồng. Tính đến hết tháng 02/2023, số lượt khách hàng vay nhà ở xã hội theo Nghị định 100/2015/NĐ-CP được tiếp cận là 421 hộ, tổng dư nợ 173,16 tỷ đồng.

Trong dịp Tết Nguyên Đán Quý Mão 2023, tỉnh Vĩnh Phúc đã có 45.943 xuất quà với tổng số tiền 29.102,9 triệu đồng được trích từ nguồn ngân sách và nguồn vận động tài trợ của các tổ chức, cá nhân trao tặng đến các hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn tỉnh.

Công tác bảo trợ xã hội luôn được các cấp, các ngành duy trì như: tiếp nhận, quản lý, nuôi dưỡng, chăm sóc và phục hồi chức năng cho các đối tượng bảo trợ xã hội; phục hồi chức năng người tâm thần. Hiện nay, toàn tỉnh có hơn

43.000 người hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng tại cộng đồng; 410 đối tượng được chăm sóc tại các cơ sở bảo trợ xã hội. Trong dịp Tết Nguyên Đán các cấp chính quyền trong tỉnh đã trích ngân sách hỗ trợ được 24.471 đối tượng với số tiền là 14.136,62 triệu đồng.

Công tác với người có công: Trong dịp Tết cổ truyền, Tỉnh Vĩnh Phúc đã tổ chức các đoàn thăm hỏi và tặng quà các đối tượng chính sách xã hội, các cán bộ chiến sĩ lực lượng vũ trang, bệnh nhân điều trị tại các bệnh viện, khu điều dưỡng thương binh nặng trong và ngoài tỉnh. Công tác thăm hỏi tặng quà được các cấp tổ chức chu đáo, trang trọng, đảm bảo kịp thời, đúng đối tượng, đúng định mức. Kết quả, các đoàn đã trao tặng 71.555 suất quà đến các đối tượng với số tiền là 38.268,6 triệu đồng. Trong đó: Quà của Chủ tịch nước là 23.597 suất với tổng số tiền 7.190,4 triệu đồng; Quà của tỉnh 32.232 suất với số tiền là 26.752,3 triệu đồng; Quà của huyện 3.748 suất với số tiền là 2.210 triệu đồng; Quà của xã 6.549 suất với số tiền là 1.173,3 triệu đồng; Quà từ nguồn xã hội hóa và nguồn khác gồm 1.829 suất với số tiền là 942,6 triệu đồng.

3. Giáo dục, đào tạo

Năm 2023, Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh tiếp tục quan tâm, chỉ đạo hoàn thiện các cơ chế, chính sách đầu tư cho sự nghiệp phát triển giáo dục và đào tạo.

Ngành giáo dục tổ chức thành công kỳ thi chọn học sinh giỏi lớp 9 từ ngày 10/1/2023 đến ngày 14/01/2023. Kết quả 602/1210 thí sinh tham gia thi đạt giải (đạt 49,75%), trong đó: 29 giải nhất, 144 giải nhì, 182 giải ba, 247 giải KK. Trong kỳ thi học sinh giỏi quốc gia năm 2022-2023, tỉnh Vĩnh Phúc có 79/92 học sinh dự thi đạt giải. Trong đó, có 5 giải Nhất, 20 giải Nhì, 24 giải Ba và 30 giải Khuyến khích, có 3 học sinh được tham dự kỳ thi chọn vào đội tuyển thi Olympic. Kết quả thi đã phản ánh sự nỗ lực phấn đấu của đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên các trường THCS, sự cố gắng học tập của các em học sinh;

Công tác đào tạo nghề: Công tác tư vấn hướng nghiệp, phân luồng học sinh sau THCS được quan tâm và duy trì, các trường chuyên nghiệp và đào tạo nghề đã tiếp tục đổi mới chương trình đào tạo, phương pháp đào tạo, đánh giá kết quả học tập của người học gắn với năng lực thực hiện, bước đầu áp dụng chương trình đào tạo đảm bảo tỷ lệ thời lượng dành cho dạy thực hành, thực tập theo hướng đáp ứng chuẩn đầu ra của học sinh tốt nghiệp. Đến ngày 07/3/2023, tổng số tuyển mới trong lĩnh vực GDNN là 1.898 người, trong đó: Trình độ cao đẳng: 0; trình độ Trung cấp: 57 người; Sơ cấp: 1.841 người (đạt 7% so với Kế hoạch năm 2023).

4. Y tế

Công tác phòng, chống dịch Covid-19: Tình hình dịch bệnh COVID-19 trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc được tỉnh quan tâm và kiểm soát tốt, số ca mắc mới trong tháng tiếp tục giảm so với tháng trước (trong tháng phát sinh 11 ca, giảm 01 ca so với tháng trước), các ca mắc chủ yếu điều trị tại nhà, không có bệnh nhân nặng. Để tiếp tục chủ động phòng, chống dịch bệnh COVID-19 UBND tỉnh chỉ đạo các ngành, địa phương thực hiện nghiêm các biện pháp phòng, chống dịch theo các văn bản hướng dẫn, tỉnh tiếp tục cấp vắc xin cho địa phương để triển khai tiêm cho trẻ từ 5-11 tuổi giúp tăng hiệu quả phòng bệnh.

Công tác giám sát, phòng, chống các dịch bệnh khác : Các bệnh truyền nhiễm được ngành Y tế của tỉnh thường xuyên theo dõi và giám sát chặt chẽ. Trong tháng một số bệnh truyền nhiễm tăng so với tháng trước nguyên nhân do thời tiết nóng lạnh thay đổi và đang trong thời điểm giao mùa. Trong tháng 2 số ca mắc các bệnh truyền nhiễm trên địa bàn tỉnh như sau: 495 ca Cúm, tăng 154 ca; 116 ca Tiêu chảy, tăng 30 ca; 09 ca Viêm gan vi rút B, tăng 01 ca; 04 ca mắc Sốt xuất huyết; 08 ca Tay - Chân - Miệng, tăng 06 ca... các ca mắc đều được các cơ sở y tế thực hiện điều trị kịp thời, không để các dịch bệnh bùng phát xảy ra.

Công tác vệ sinh an toàn thực phẩm: Để đảm bảo VSATTP tỉnh Vĩnh Phúc thành lập các Đoàn kiểm tra liên ngành ATTP tiến hành kiểm tra các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ thực phẩm trên địa bàn quản lý. Từ đầu năm đến tháng 3 năm 2023 toàn tỉnh kiểm tra được 1290 cơ sở, số cơ sở đạt yêu cầu 1.105 cơ sở chiếm tỷ lệ 85,7%; số cơ sở vi phạm 188 cơ sở chiếm tỷ lệ 14,3%; số cơ sở bị nhắc nhở 185 cơ sở; số cơ sở bị phạt tiền 03 cơ sở, với số tiền là 13 triệu đồng. Trong tháng, trên địa bàn tỉnh chưa phát hiện trường hợp ngộ độc thực phẩm

Công tác phòng chống HIV/AIDS: Tại tỉnh Vĩnh Phúc, tính đến đầu tháng 3: lũy tích có 4.953 người nhiễm HIV (trong đó số người nhiễm HIV có hộ khẩu tại tỉnh là 2.384 người), lũy tích số người chuyển AIDS là 2.388 người (trong đó có hộ khẩu tại tỉnh là 1.571 người), lũy tích số người tử vong do AIDS là 1.110 người (trong đó có hộ khẩu tại tỉnh là 906 người), số người nhiễm HIV hiện còn sống là 3.843 (trong đó có hộ khẩu tại tỉnh là 1.478 người). Số bệnh nhân đang nhận thuốc điều trị ARV là 1.122 bệnh nhân (trong đó có 23 trẻ em). 100% trẻ nhiễm HIV/AIDS được hỗ trợ đầy đủ các dịch vụ theo nhu cầu và được điều trị bằng thuốc ARV

5. Văn hóa, thể thao

Các hoạt động tuyên truyền kỷ niệm các ngày lễ lớn, biểu diễn nghệ thuật mừng Đảng, mừng Xuân, chào mừng kỷ niệm 60 năm Bác Hồ về thăm tỉnh Vĩnh

Phúc được tổ chức với nhiều hoạt động hiệu quả, ý nghĩa, tạo được sự quan tâm của nhân dân. Trong quý I diễn ra nhiều hoạt động nổi bật như: Chương trình nghệ thuật đặc biệt "Tết quê hương- Vĩnh Phúc năm 2023"; Lễ kỷ niệm 93 năm Ngày thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam (03/2/1930-03/2/2023), 60 năm Ngày Bác Hồ về thăm tỉnh Vĩnh Phúc (02/3/1963-02/3/2023); chương trình biểu diễn nghệ thuật đặc biệt phục vụ nhân dân kỷ niệm 60 năm Ngày Bác Hồ về thăm Vĩnh Phúc; Liên hoan hát văn, hát chầu văn tỉnh Vĩnh Phúc mở rộng năm 2023, triển lãm tranh, ảnh nghệ thuật “Vĩnh Phúc 60 năm hành trình khát vọng”... góp phần nâng cao mức hưởng thụ văn hóa, tinh thần của nhân dân.

Hoạt động thể dục thể thao tiếp tục được quan tâm. Trong kỳ, tỉnh đã tổ chức thành công các giải thể thao quần chúng: “Mừng Đảng - Mừng Xuân” Quý Mão 2023 với nhiều bộ môn như Kéo co, Vật dân tộc, Giải vô địch bóng chuyền hơi - Kỷ niệm 60 năm Ngày Bác Hồ về thăm tỉnh Vĩnh Phúc. Các đội tập luyện thể thao thành tích cao tiếp tục được duy trì, tập luyện thường xuyên, đảm bảo an toàn hiệu quả theo chương trình, kế hoạch để chuẩn bị cho các giải thi đấu thể thao trong năm 2023.

6. Tình hình trật tự an toàn xã hội và tai nạn giao thông

Tình hình an ninh trật tự, an toàn xã hội: Tình hình an ninh, trật tự trên địa bàn tỉnh nhìn chung ổn định. Trong kỳ, Công an tỉnh đã triển khai nhiều phương án nghiệp vụ để đối phó với các loại tội phạm thường xuyên xảy ra trên địa bàn như: Tội phạm lừa đảo chiếm đoạt tài sản, tín dụng đen, cướp giật, trộm cắp,... Tính từ đầu năm đến ngày 15/3/2023, tỉnh Vĩnh Phúc xảy ra 127 vụ vi phạm trật tự an toàn xã hội, bị chết 03 người, bị thương 21 người, thiệt hại tài sản 55.212,7 triệu đồng, đã điều tra làm rõ 117 vụ, bắt giữ 265 đối tượng, thu hồi tài sản trị giá 7.337 triệu đồng.

Tình hình tai nạn giao thông: Lực lượng Cảnh sát Giao thông của tỉnh tiếp tục đẩy mạnh hoạt động tuần tra, kiểm soát, xử lý vi phạm trật tự an toàn giao thông trong đợt cao điểm đảm bảo trật tự an toàn giao thông dịp Tết nguyên đán Quý Mão và các Lễ hội đầu xuân 2023. Trong tháng Ba, trên địa bàn tỉnh đã xảy ra 01 vụ tai nạn giao thông đường bộ làm 01 người bị thương; số vụ tai nạn không tăng, không giảm so với tháng trước, giảm 01 người chết và số người bị thương không tăng, không giảm; lũy kế ba tháng đầu năm xảy ra 04 vụ tai nạn, 03 người chết, 02 người bị thương, so với cùng kỳ giảm 02 vụ, tăng 01 người chết.

7. Tình hình cháy nổ, bảo vệ môi trường và thiên tai

Tình hình cháy nổ: Công tác phòng chống cháy nổ được quan tâm. Các hình thức tuyên truyền về phòng chống cháy nổ được triển khai sâu rộng, đa dạng qua hệ

thống phát thanh tại các điểm giao thông, hệ thống truyền thanh xã, phường và các cơ quan thông tin đại chúng; đồng thời đẩy mạnh thực hiện cuộc vận động “Toàn dân tham gia phòng cháy chữa cháy” nhằm nâng cao ý thức trách nhiệm của cộng đồng trong công tác phòng cháy chữa cháy... Trong tháng, trên địa bàn tỉnh xảy ra 01 vụ cháy tại Công ty TNHH Công nghệ Hsieh Yuan Việt Nam, địa chỉ: KCN Khai Quang, thành phố Vĩnh Yên. Ngay khi xảy ra cháy, lực lượng Cảnh sát phòng cháy chữa cháy đã có mặt kịp thời và khống chế được đám cháy nên không có thiệt hại về người và giảm thiểu tối đa thiệt hại về tài sản do đám cháy gây ra. Cộng dồn từ đầu năm, toàn tỉnh xảy ra 07 vụ cháy, không có thiệt hại về người, giá trị thiệt hại trên 2,5 triệu đồng.

Vi phạm môi trường (VPMT): Trong tháng, trên địa bàn tỉnh phát hiện 23 vụ VPMT về hành vi: “Xả nước thải, xả khí thải chưa được xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường ra môi trường...”; số vụ đã xử lý là 23 vụ với số tiền xử phạt là 400,49 triệu đồng. So với tháng trước, số vụ VPMT tăng 19 vụ; số vụ đã xử lý tăng 19 vụ; số tiền xử phạt tăng 393,04 triệu đồng. Nguyên nhân số vụ VPMT tăng cao so với tháng trước là do các ngành chức năng trong tỉnh tiếp tục ra quân đợt cao điểm kiểm tra, xử lý VPMT. Lũy kế ba tháng đầu năm đã 56 vụ phát hiện, 56 vụ đã xử lý, tổng số tiền xử phạt 1.151,5 triệu đồng, so với lũy kế cùng kỳ năm trước số vụ VPMT giảm 65 vụ, số vụ đã xử lý giảm 41 vụ và số tiền xử phạt tăng 122,42 triệu đồng./.

Nơi nhận :

- Vụ TH -TCTK;
- Tỉnh uỷ, UBND, HĐND tỉnh;
- Một số Sở, ngành của tỉnh;
- Lưu VT, TH.

CỤC TRƯỞNG

Nguyễn Hồng Phong